

Một số chỉ tiêu Kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Tháng 11 năm 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Tháng 11 năm 2019	% tăng/giảm so cùng kỳ
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	107,22	7,22
- Khai khoáng	"	127,16	27,16
- CN chế biến, chế tạo	"	118,23	18,23
- Sản xuất và phân phối điện	"	88,09	-11,91
- Cung cấp nước, quản lý, xử lý rác thải	"	103,41	3,41
2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	780,4	12,13
3. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành	"	164,6	11,93
4. Số lượt khách du lịch	Ngàn lượt khách	138,362	15,00
- Khách nội địa - Ngàn lượt khách	"	122,279	33,64
- Khách quốc tế - Ngàn lượt khách	"	16,083	-44,18
5. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng	56,9	13,67
6. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1.000 Tấn	221,5	7,83
7. Khối lượng hàng hóa luân chuyển	1.000 Tấn/ Km	9.746,3	10,25
8. Số lượt hành khách vận chuyển	1.000 HK	265,3	16,01
9. Số lượt hành khách luân chuyển	1.000 HK/ Km	39.454,8	19,38
10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 năm 2019 so với cùng kỳ năm trước	%	101,98	1,98
11. CPI tháng 11/2019 so tháng 12 năm trước	"	103,65	3,65
12. CPI tháng 11/2019 so với tháng 10/2019	"	102,81	2,81
13. CPI tháng 11/2019 so với kỳ gốc 2014	"	108,49	8,49
14. Chỉ số giá vàng tháng 11/2019 so tháng 10/2019	"	99,40	-0,60
15. Chỉ số giá Đola Mỹ tháng 11/2019 so tháng 10/2019	"	99,99	-0,01